

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT 50 NĂM NGHIÊN CỨU TỘC NGƯỜI VÀ CÁC VẤN ĐỀ DÂN TỘC CỦA VIỆN DÂN TỘC HỌC (1968 - 2018)

PGS.TS. Nguyễn Văn Minh
Viện Dân tộc học

Cách nay vừa tròn 50 năm, Viện Dân tộc học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) được thành lập theo Nghị định số 59/CP của Hội đồng Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng ký ngày 14 tháng 5 năm 1968¹. Kể từ đó đến nay, đối tượng nghiên cứu chính của Viện luôn là các tộc người và văn hóa tộc người. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu cơ bản, toàn diện, ứng dụng, so sánh, dự báo về những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, cấp bách của các tộc người cũng như những vấn đề dân tộc ở trong và ngoài nước theo hướng tiếp cận chuyên ngành Dân tộc học/Nhân học và liên, đa ngành khoa học xã hội. Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, phục vụ sự nghiệp phát triển các tộc người và dân tộc - quốc gia Việt Nam trong bối cảnh của đất nước, khu vực và quốc tế từng thời kỳ cách mạng; tham gia tư vấn chính sách về các vấn đề dân tộc và tộc người dưới góc nhìn Dân tộc học/Nhân học; tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực về Dân tộc học/Nhân học và một số ngành khoa học kề cận.

Để thực hiện thành công chức năng, nhiệm vụ được giao, 50 năm qua, đội ngũ cán bộ Viện Dân tộc học trong các thời kỳ đã luôn chủ động tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của Dân tộc học/Nhân học thế giới, từng bước áp dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam và thực tế đã đạt được những thành quả nhất định. Các kết quả này thể hiện cụ thể trong việc xác định những định hướng nghiên cứu chính gắn với phục vụ nhu cầu phát triển của đất nước; xây dựng và triển khai hàng trăm đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học các cấp; hợp tác nghiên cứu với nhiều địa phương, tổ chức trong và ngoài nước; công bố các ấn phẩm có giá trị khoa học;... Chỉ riêng từ năm 2001 đến nay, ngoài thực hiện hàng trăm đề tài cấp Cơ sở, Viện đã và đang triển khai 93 đề tài khoa học cấp Bộ/cấp tỉnh trở lên và đề tài, dự án hợp tác với các tổ chức, địa phương ở trong và ngoài nước (xem phụ lục 2). Từ kết quả nghiên cứu đạt được đã công bố 175 sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình do cán bộ Viện là tác giả độc lập, chủ biên, đồng chủ biên hay là các tác giả chính và 17 bản thảo sách gửi đến các nhà xuất bản để in trong năm 2018 (xem phụ lục 1); hàng trăm cuốn sách viết chung, hàng nghìn bài viết trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước. Cùng với đó, Tạp chí Dân tộc học của Viện đã xuất bản 206 số tiếng Việt và 12 số tiếng Anh, công bố gần 2.000 bài nghiên cứu chuyên sâu về tộc người

¹ Tiền thân là Tổ Dân tộc học thuộc Viện Sử học từ năm 1960 – 1964, đến năm 1965 trực thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam.

và vấn đề dân tộc của các nhà khoa học, quản lý, hoạt động thực tiễn về dân tộc ở nước ta và trên thế giới. Ngoài ra, Viện còn chuẩn bị nhiều báo cáo chuyên đề liên quan đến những vấn đề cấp bách về tộc người và dân tộc gửi tới các cấp lãnh đạo tham khảo.

Những đóng góp khoa học của Viện trong 50 năm qua là thiết thực và được xã hội ghi nhận, nhất là góp phần cung cấp các luận cứ, luận chứng khoa học từ góc độ lý luận và thực tiễn về tộc người, xác định thành phần dân tộc, dự báo những vấn đề liên quan đến dân tộc ở nước ta và trên thế giới. Đặc biệt, các kết quả nghiên cứu của Viện đã góp phần giúp cho Đảng và Nhà nước ta thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc và nhiều chính sách dân tộc quan trọng, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát triển các tộc người. Tuy vậy, công tác nghiên cứu khoa học của Viện vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục, nhất là cần đáp ứng được các yêu cầu về lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong bối cảnh mới hiện nay nhằm thực hiện tốt hơn nữa những chức năng, nhiệm vụ được giao.

Để đánh giá được một cách tương đối đầy đủ, khách quan về những kết quả và hạn chế trong nghiên cứu khoa học của Viện 50 năm qua là công việc khó khăn, đòi hỏi nhiều thời gian và nhiều nhà khoa học cùng tham gia. Do vậy, bài viết này chỉ bước đầu đề cập một số nội dung dưới đây.

1. Một số định hướng nghiên cứu trọng tâm

Các nghiên cứu trong 50 năm qua cho thấy, định hướng và chủ đề nghiên cứu của Viện từ khi thành lập đến nay khá linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm phản ánh và phục vụ kịp thời thực tiễn sinh động của thế giới và đất nước, trong đó chủ yếu chuyên sâu vào một số lĩnh vực sau:

- Tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về tộc người, tính tộc người, nguồn gốc lịch sử, quá trình tộc người, phân loại tộc người, xác định thành phần dân tộc trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

- Tập trung nghiên cứu những đặc điểm truyền thống và sự biến đổi trong các sinh hoạt kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, môi trường... của các tộc người ở nước ta để kiến nghị những chính sách phát triển phù hợp, đặc biệt là trong bối cảnh Đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Đánh giá những tác động của sự thay đổi điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội (KT - XH), của quá trình công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH), đô thị hóa (ĐTH) và biến đổi khí hậu đến đời sống của các tộc người ở những vùng miền, địa phương.

- Tập trung nghiên cứu quan hệ tộc người (QHTN), nhất là những mối quan hệ mang tính chiến lược giữa các tộc người thiểu số (TNTS) và tộc người đa số (TNĐS), giữa các tộc người và dân tộc - quốc gia Việt Nam, quan hệ dân tộc (QHDT) liên/xuyên biên giới. Những mối quan hệ này được tìm hiểu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo

tín ngưỡng, sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng tiếp cận và hưởng dụng các nguồn lực công trong phát triển các tộc người, vùng tộc người, vùng biên giới,...

- Tập trung nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách dân tộc, chính sách phát triển KT - XH của Đảng và Nhà nước ta, nhất là trong thời kỳ Đổi mới và hội nhập đến các tộc người, quan hệ dân tộc và đoàn kết dân tộc. Đồng thời bắt đầu xem xét sự tác động của các chính sách dân tộc, chính sách vùng biên giới của những quốc gia láng giềng và một số nước trên thế giới đến các tộc người và vấn đề dân tộc ở nước ta hiện nay, nhất là vùng biên giới, các vùng trọng yếu của quốc gia.

- Tập trung nghiên cứu vị trí, vai trò của các tộc người trong sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, củng cố khối đoàn kết dân tộc, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trước đây và hiện nay.

- Tập trung nghiên cứu tri thức tộc người và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tộc người trong chiến lược tăng cường xây dựng nền văn hóa quốc gia đa dân tộc, phát triển ý thức quốc gia Việt Nam, giao lưu và hội nhập trên cơ sở giữ vững khối đoàn kết dân tộc.

- Tập trung nghiên cứu các động thái mới về dân số, phân bố dân cư, dân tộc trên cả nước nói chung và các vùng biên giới nước ta nói riêng

2. Một số đóng góp chính

Đóng góp của Viện Dân tộc học trong 50 năm qua được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, trong đó về cơ bản được phản ánh ở một số thành tựu chủ yếu sau:

- *Thứ nhất*, không chỉ tiến hành nghiên cứu cơ bản và có hệ thống về các tộc người ở nước ta để góp phần hoàn thành *Bản Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* được Nhà nước chính thức công bố năm 1979 và sử dụng đến nay, mà còn tiếp tục cung cấp luận cứ khoa học, góp phần nâng cao nhận thức lý luận và thực tiễn về những động thái mới của quá trình tộc người nảy sinh trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế; từng bước làm rõ bản chất của quá trình thay đổi tộc danh và thành phần dân tộc ở một số TSTS hay nhóm địa phương kể từ khi có *Bản Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* đến nay. Trong đó, những nhu cầu thay đổi tộc danh và thành phần dân tộc nảy sinh là do sự trỗi dậy của ý thức tự giác tộc người, tác động của những chính sách phát triển các tộc người của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ Đổi mới, ảnh hưởng của các vấn đề dân tộc và tộc người trên thế giới,... Những kết quả nghiên cứu này đóng góp thiết thực cho các cơ quan quản lý Nhà nước về dân tộc trong việc xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh liên quan đến tộc danh và thành phần dân tộc của một số tộc người và nhóm địa phương, nhất là trong xây dựng và thực hiện các chính sách dân tộc nói chung và từng lĩnh vực nói riêng, góp phần củng cố sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và cùng phát triển giữa các tộc người trong một quốc gia đa dân tộc.

- *Thứ hai*, góp phần luận giải sâu sắc hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về các mối QHDT ở nước ta trong tiến trình phát triển đất nước, nhất là trong điều kiện mới hiện nay. Trong đó,

tập trung làm nổi bật 4 mối quan hệ chủ yếu sau: 1) Quan hệ giữa các tộc người với hệ thống chính trị (HTCT) các cấp, tức với dân tộc - quốc gia Việt Nam; 2) Quan hệ giữa TNĐS với các TNTS; 3) Quan hệ giữa các TNTS ở Việt Nam và 4) Quan hệ liên/xuyên biên giới của các tộc người ở Việt Nam với các đồng tộc sinh sống ở những quốc gia khác. Các mối quan hệ này tuy có vị trí và mức độ ảnh hưởng khác nhau, nhưng đều liên quan chặt chẽ với nhau nên cần được xem xét một cách cẩn trọng, đòi hỏi xử lý kịp thời và chính xác.

Các kết quả nghiên cứu đã góp phần làm rõ sự bình đẳng, đoàn kết, hợp tác trong nội bộ tộc người và giữa các tộc người vẫn là xu hướng chủ đạo, xuyên suốt các mối QHTN ở nước ta trong tiến trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đồng thời, cũng chỉ ra những vấn đề mới nảy sinh từ QHDT; trong đó, đáng chú ý là việc xuất hiện tư tưởng phân ly, bất đồng cục bộ ở một số tộc người tại những địa bàn chiến lược, đa tộc người, đa tôn giáo, vùng biên giới. Các vùng này vốn sẵn có những vấn đề do nguồn gốc lịch sử và quá trình tộc người, nhất là sự hội nhập vào cộng đồng quốc gia Việt Nam cũng như quá trình xâm lược và chia rẽ để cai trị thuộc địa của các nước đế quốc để lại. Đây cũng là biểu hiện về sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc của một bộ phận cư dân thuộc một số TNTS tại một số vùng dưới tác động của các tác nhân trong nước, khu vực và thế giới trong thời gian qua.

Các kết quả nghiên cứu cũng đã dự báo một số xu hướng của QHTN trong những năm tới. Cụ thể là: 1) Ngày càng gia tăng mối quan hệ thân tộc, đồng tộc, đồng đạo liên/xuyên biên giới với các nước láng giềng và quốc gia khác; 2) Những biểu hiện của tư tưởng phân ly nếu không được quản lý, xử lý kịp thời và chuẩn xác sẽ gây tác động xấu đến sự ổn định và phát triển của các tộc người, các vùng và quốc gia; 3) Hiện tượng phân ly, bất đồng nảy sinh ở một số tộc người tuy còn mang tính cục bộ, tại một số địa phương, nhưng có thể lan rộng ra toàn vùng và nhiều tộc người ở các địa phương khác nếu không có giải pháp phù hợp và xử lý dứt điểm; 4) Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở vùng TNTS ngày càng gắn kết chặt chẽ với nhau, đang phát triển thành những cộng đồng tộc người - tôn giáo trong một tộc người và giữa các tộc người, ở trong một vùng, liên vùng và liên/xuyên quốc gia,... Động thái này càng làm gia tăng tính phức tạp đối với vấn đề dân tộc và mối quan hệ giữa các tộc người, tác động tiêu cực đến tính cố kết tộc người và khối đoàn kết dân tộc trong thời gian qua.

Một trong những đóng góp quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn là phân tích làm rõ mối quan hệ đồng tộc liên/xuyên biên giới và mối quan hệ giữa “lãnh thổ tộc người” và “biên giới quốc gia” trong điều kiện mới. Theo đó, “lãnh thổ tộc người” là khái niệm không chính thức dùng để chỉ địa bàn cư trú, phân bố của một tộc người và gắn với các yếu tố thuộc về văn hóa tộc người, vùng cư trú của một tộc người có thể không phụ thuộc vào biên giới quốc gia. Trong 54 tộc người ở nước ta, có 50 TNTS sinh sống chủ yếu ở vùng miền núi, biên giới; trong đó, có một số tộc người di cư đến Việt Nam vào những thời điểm lịch sử khác nhau. Các tộc người này là một bộ phận có dân số ít so với đồng tộc sinh sống ở các nước láng giềng, trong đó ở một số nước lại là TNĐS. Một số tộc người còn có quan hệ đồng tộc với tộc người đang sinh sống ở một số nước phương Tây. Những TNTS này có

hiều điểm tương đồng về đặc điểm văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng với đồng tộc sinh sống tại các quốc gia khác, nhưng về mặt thể chế xã hội, họ lại bị ràng buộc và có nghĩa vụ công dân cũng như thi hành các luật pháp của những quốc gia sở tại. Hơn thế nữa, ở nước ta từ trước đến nay, trên tất cả các vùng đều có sự cư trú xen cài giữa các tộc người, hiện tượng cư trú này ngày càng phổ biến trong thời gian gần đây. Do vậy, trước kia mặc dù có một số tộc người cư trú tương đối tập trung ở một địa bàn nhất định và thời Pháp thuộc được gọi là “Xứ Thái” hay “Xứ Mường”... nhưng trên thực tế chưa bao giờ hình thành cái gọi là “lãnh thổ tộc người” ở nước ta. Còn “biên giới quốc gia” là khái niệm về lãnh thổ chính thức gắn liền với chủ quyền quốc gia do nhà nước quản lý và được quốc tế thừa nhận. Kết quả nghiên cứu về các mối quan hệ đồng tộc liên/xuyên biên giới đã cung cấp luận chứng khoa học phản bác lại luận điểm “cố tình” đánh tráo khái niệm của các thế lực theo chủ nghĩa bành trướng, sô vanh nước lớn là đồng nhất “lãnh thổ tộc người” và “biên giới quốc gia”, thậm chí còn cho lãnh thổ tộc người là rộng hơn, năng động hơn và có thể tồn tại vĩnh viễn, còn biên giới quốc gia luôn bị bó hẹp theo chuẩn mực định sẵn và có thể bị biến mất... nhằm sử dụng các mối quan hệ đồng tộc này vào những mục đích khác nhau.

- *Thứ ba*, các kết quả nghiên cứu đã góp phần làm rõ hơn quá trình chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang một số tôn giáo lớn và hiện tượng tôn giáo mới (HTTGM) ở một số vùng và tộc người, để từ đó hình thành các cộng đồng tôn giáo theo tộc người và liên tộc người, ở trong vùng và liên vùng, không chỉ ở trong nước mà còn liên/xuyên quốc gia, nhất là xu hướng cải đạo sang Tin Lành của một bộ phận người dân một số TNTS diễn ra mạnh mẽ trong khoảng 30 năm qua. Trong đó:

Lý luận về sự thay đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang các tôn giáo lớn và những HTTGM mang tính chính trị ở một số TNTS dưới tác động của các điều kiện hiện tại cho thấy, đã và đang xuất hiện nguy cơ làm phức tạp thêm vấn đề dân tộc, tôn giáo ở nước ta. Đây là vấn đề đã được chú ý nghiên cứu và luận giải, góp phần giải quyết tốt hơn các vấn đề dân tộc và tôn giáo tín ngưỡng ở nước ta trong những năm qua. Các nghiên cứu đã chỉ ra sự chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang Tin Lành và các HTTGM của một số TNTS ở một vài địa phương chủ yếu là do nhu cầu tinh thần, bên cạnh đó còn có sự tác động của việc truyền đạo và lôi kéo người dân theo đạo trái pháp luật Việt Nam hiện hành. Việc chuyển đổi tôn giáo, tín ngưỡng thường đi cùng với tình trạng di dân tự do nội địa và qua biên giới của một bộ phận người dân. Các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng vấn đề chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng này để lôi kéo những người cùng đức tin ở một số TNTS trên cùng địa bàn cư trú nhằm tập hợp lực lượng hình thành những tổ chức chính trị phản động núp bóng tôn giáo, như: “Tin Lành Đê ga” gắn với “Nhà nước Đê ga” ở Tây Nguyên, “Tin Lành Vàng Chứ” của người Hmông gắn với “Vương quốc Hmông”... với ý đồ kích động tư tưởng tự trị, ly khai ở một bộ phận người dân của một số tộc người; lôi kéo và kích động người tin theo tham gia các hoạt động chống phá chính quyền, gây rối trật tự và tạo mâu thuẫn xã hội, đặc biệt là ở các vùng biên giới nước ta. Điều này khiến cho mối quan hệ tôn giáo ở vùng TNTS đang diễn ra ngày một đa dạng và phức tạp hơn. Qua đó cũng còn cho thấy mối quan hệ tôn

giáo liên/xuyên biên giới giữa các tộc người theo cùng một tôn giáo ở Việt Nam và một số nước trong khu vực, nhất là giữa những người Chăm theo đạo Hồi ở Nam Bộ với những người đồng đạo ở Malaysia, giữa các tín đồ theo đạo Phật của người Khơ-me vùng Nam Bộ với đồng tộc ở Campuchia; Tin Lành của người Hmông ở Việt Nam với người Hmông cùng đức tin ở Lào, Thái Lan, Trung Quốc... ngày càng chặt chẽ, sâu rộng hơn.

- *Thứ tư*, góp phần cung cấp luận cứ khoa học khẳng định vị trí, vai trò của các tộc người trong sự phát triển của dân tộc - quốc gia Việt Nam. Theo đó, các tộc người ở nước ta dù dân số đông hay ít, quá trình hội nhập vào quốc gia - dân tộc khác nhau nhưng đều có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, người Việt (Kinh) với vai trò là TNĐS đã cùng các TNTS anh em xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước nói chung và các vùng miền nói riêng. Thực tế cho thấy, trong một thời gian dài, nghiên cứu về người Kinh chỉ được chú ý ở vùng đồng bằng và đô thị, nhưng những năm gần đây, Viện đã tập trung nghiên cứu, đánh giá vai trò của người Kinh đối với ổn định chính trị, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng ở vùng các TNTS, biên giới và hải đảo. Các nghiên cứu đã đi sâu phân tích, làm rõ quá trình chuyển đổi và thích nghi của cộng đồng người Kinh với sự đa dạng về điều kiện sinh thái, tộc người và văn hóa ở các vùng, miền. Cộng đồng người Kinh còn tạo ra những động lực, ảnh hưởng tích cực đối với phát triển các TNTS. Từ những đóng góp đó, người Kinh ngày càng khẳng định vững chắc vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xây dựng khối đoàn kết dân tộc, là nhân tố chủ đạo trong việc gắn kết và phát triển các tộc người trên phạm vi cả nước trong mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử. Vai trò trụ cột của người Kinh trong bảo vệ và phát triển KT - XH của đất nước, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc còn được khẳng định ngay cả ở những vùng người Kinh sống xen kẽ với các TNTS và có số dân ít hơn so với các TNTS. Đặc biệt, những kết quả nghiên cứu cũng cung cấp luận cứ khoa học vững chắc phản bác lại các quan điểm sai lệch của một số học giả phương Tây cho rằng: người Việt là tộc người được hưởng lợi nhiều nhất trong quá trình phát triển ở Việt Nam, luôn áp đặt mô hình phát triển và đồng hóa “cưỡng bức” văn hóa của các TNTS.

- *Thứ năm*, góp phần nghiên cứu, đánh giá chính sách và thực hiện chính sách dân tộc; cung cấp luận cứ khoa học nhằm đổi mới chính sách dân tộc và công tác dân tộc ở nước ta, nhất là trong tình hình mới hiện nay. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần phân biệt, tư vấn khoa học và không chỉ bước đầu khắc phục được cách tiếp cận, đánh giá chính sách thiên về những ưu điểm mà còn chỉ ra những hạn chế trong xây dựng, thực hiện và đánh giá chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở vùng đồng bào các TNTS, như còn chồng chéo, dàn trải, thiếu tính thực tế và khả thi, chịu ảnh hưởng của các định kiến về tộc người và địa phương,... Đặc biệt, các nghiên cứu đã tập trung phân tích làm nổi bật tầm quan trọng của chính sách dân tộc và công tác dân tộc ở một quốc gia đa tộc người. Việc hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc có liên quan chặt chẽ đến vận mệnh quốc gia - dân tộc và các tộc người, có thể tạo nên sự ổn định nhưng cũng có thể làm bùng phát những vấn đề phức tạp,

thậm chí gây hậu quả khôn lường, cản trở sự phát triển của các tộc người và thống nhất của dân tộc - quốc gia Việt Nam.

- *Thứ sáu*, góp phần nghiên cứu, đánh giá về vai trò của văn hóa tộc người trong phát triển bền vững. Các công trình nghiên cứu đã đi sâu lý giải mối quan hệ giữa văn hóa tộc người với văn hóa vùng và văn hóa quốc gia, bước đầu làm rõ những nét đặc trưng nổi bật của văn hóa tộc người, các vùng văn hóa và tiểu vùng văn hóa ở nước ta cũng như những xu hướng biến đổi văn hóa dưới tác động của quá trình phát triển và toàn cầu hóa, nhất là tác động về văn hóa của TNĐS và từ thế giới bên ngoài. Trên cơ sở đó, có những đóng góp quan trọng trong việc làm rõ vai trò và ảnh hưởng của văn hóa tộc người đối với sự phát triển của từng cộng đồng, các nhóm xã hội/dân cư, nhất là vai trò của tri thức tộc người đối với việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý xã hội, phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người cũng như giải quyết những bất cập của một số thành tố văn hóa tộc người trong mối quan hệ với việc quản lý, phát triển các tộc người theo Hiến pháp và pháp luật. Bên cạnh đó, cũng đã chỉ ra một số hạn chế cơ bản của những nghiên cứu trong thời gian qua là tập trung nghiên cứu nhiều về các thành tố văn hóa ở từng tộc người, từng vùng miền, nhưng lại xem nhẹ việc nghiên cứu so sánh, toàn diện về văn hóa tộc người nói chung, nhất là về vị trí, vai trò của văn hóa quốc gia trong các tộc người, về mối quan hệ giữa văn hóa quốc gia và văn hóa tộc người, nhất là tại những địa bàn chiến lược đa tộc người, đa tôn giáo, vùng biên giới và hải đảo.

- *Thứ bảy*, cung cấp luận cứ khoa học cho việc thực hiện và bảo đảm quyền của các tộc người ở nước ta trong bối cảnh mới. Những kết quả nghiên cứu có đóng góp thiết thực về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần xây dựng các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc; cung cấp luận cứ khoa học và nâng cao nhận thức, xây dựng hệ thống lý luận và quan điểm về nhân quyền và quyền tự quyết của các tộc người trên lĩnh vực dân tộc, nhất là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ với dân tộc - quốc gia mà tộc người đó là một thành viên; góp phần đấu tranh chống lại những âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc gắn với dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch. Những nghiên cứu đã cho thấy, các thế lực thù địch thường lợi dụng những vấn đề về lịch sử tộc người; giao lưu tiếp biến văn hóa giữa các tộc người; quyền hưởng dụng tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất, rừng và nước; vấn đề tôn giáo tín ngưỡng; những bất cập trong việc hoạch định và thực hiện chính sách gắn với sự hạn chế, yếu kém của HTCT và đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; những khác biệt giữa Hiến pháp, luật pháp quốc gia với các Hiến chương, Công ước, Tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc và những luật tục, quy ước của các tộc người... để vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của HTCT nước ta, gieo rắc tâm lý hoài nghi của quần chúng nhân dân đối với chế độ, cổ súy tư tưởng phân ly, tự trị ở một số tộc người.

- *Thứ tám*, góp phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn phục vụ phát triển KT - XH, nhất là chuyển đổi sinh kế gắn với đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo ở vùng TNTS. Những kết quả nghiên cứu đã khẳng định, việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, như: Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình xây dựng Nông

thôn mới và nhiều chính sách khác của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt, nhất là đối với đồng bào các TNTS: xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh phục vụ cho phát triển dân sinh, kinh tế, góp phần làm thay đổi nhanh chóng trình độ phát triển KT - XH ở các vùng xa, vùng sâu và vùng TNTS đặc biệt khó khăn; từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo bước chuyển căn bản về tập quán canh tác, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận ngày càng nhiều các thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ hiện đại và những dịch vụ tiên tiến về thông tin truyền thông, giáo dục, y tế, tín dụng;... Qua đó, góp phần cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, từng bước xóa đói giảm nghèo, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của HTCT và đội ngũ cán bộ ở vùng TNTS.

Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu cũng chỉ rõ, công tác xóa đói giảm nghèo vẫn còn những hạn chế và bất cập cần phải khắc phục. Đó là, các chương trình mục tiêu của quốc gia thường tập trung nhiều hơn vào xây dựng cơ sở hạ tầng mà chưa chú trọng đúng mức tới việc xây dựng định hướng phát triển KT - XH, nhất là thay đổi cơ cấu kinh tế và đẩy mạnh phát triển sản xuất, đặc biệt là vấn đề đảm bảo an sinh xã hội; chưa chú trọng thỏa đáng đến mối quan hệ giữa nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, gắn với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cũng như đảm bảo không gian sinh tồn cho người dân. Do vậy, những thành quả xóa đói giảm nghèo tuy quan trọng và to lớn nhưng chưa thật sự bền vững, bởi sự chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống giữa các hộ gia đình và nhóm xã hội ở trong mỗi vùng miền, giữa các tộc người và thành phần dân cư ở các địa phương còn lớn và ngày càng gia tăng. Sự chênh lệch này đã và sẽ trở nên sâu sắc hơn do tác động của lối sống, tập quán và phương thức sinh kế tộc người chậm được đổi mới; do tác động của quá trình ĐTH dẫn đến tình trạng thiếu hoặc không có đất sản xuất, phải di dịch cư và tái định cư, việc chuyển nhượng và tranh chấp đất đai có xu hướng gia tăng ở nhiều nơi;... Trong khi đó, do nước ta hàng năm đều xảy ra nhiều thiên tai gây thiệt hại lớn trên diện rộng, nên ở những vùng bị thiên tai, tỷ lệ hộ tái nghèo hay tiếp tục nghèo luôn cao hơn so với tỷ lệ chung của cả nước, nhất là ở vùng các TNTS. Ranh giới giữa nghèo và thoát nghèo vì vậy rất mong manh.

- *Thứ chín*, góp phần làm rõ những động thái mới về dân số và tác động của các yếu tố phân bố dân cư, dân tộc đến hưởng dụng và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý xã hội và phát triển kinh tế. Việc di dân có tổ chức và di dân tự do trong những thập kỷ qua đến vùng miền núi và TNTS đã làm thay đổi đáng kể sự phân bố dân cư, dân tộc, cơ cấu dân số và làm gia tăng mật độ dân số, nhất là vùng Tây Nguyên. Vấn đề này đã và đang gây ra nhiều tác động cả tích cực và tiêu cực đến sự phát triển KT - XH, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên của những địa phương tiếp nhận dân nhập cư, nhất là ngày càng gia tăng tình trạng bao chiếm, mua bán đất đai trái phép, phá rừng lấy đất sản xuất, khai thác lâm sản, săn bắt động vật quý hiếm trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại, trộm cắp và một số loại hình tệ nạn xã hội khác. Bên cạnh vấn đề đất đai, các nguồn tài nguyên khác cũng bị chia sẻ, nhất là rừng và các nguồn lợi tự nhiên. Trong những năm qua, mặc dù có nhiều cố gắng trong bảo vệ rừng và trồng rừng, song nguồn tài nguyên này vẫn bị suy giảm

ngghiêm trọng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng giàu. Cùng với đó, biến đổi khí hậu đã dẫn tới hàng loạt các thiên tai và thảm họa môi trường như lũ lụt, hạn hán, sụt lở đất, mất cân bằng sinh thái, thiếu đất canh tác, thiếu tài nguyên thiết yếu phục vụ đời sống cho người dân,... Hơn thế nữa, những chương trình tái định cư xây dựng các công trình thủy điện và khu công nghiệp lớn cũng như quá trình ĐTH diễn ra ngày càng mạnh mẽ đã tạo ra sự thay đổi rất lớn về dân số, dân cư, gây sức ép nặng nề về đảm bảo đất sản xuất và không gian sinh tồn cho người dân ở những nơi tái định cư. Vấn đề này không chỉ khiến cho người dân tại chỗ và mới đến đều không yên tâm sản xuất mà còn khiến diện tích đất và rừng bình quân đầu người sụt giảm mạnh trong khi tỷ lệ dân số tăng lên nhanh chóng, khiến không gian sinh tồn của người dân bị thu hẹp. Từ đó, làm nảy sinh và tiềm ẩn nhiều mâu thuẫn giữa các cộng đồng dân cư.

Trong khi các thế lực thù địch thường lợi dụng những hạn chế và tác động tiêu cực của chính sách di dân theo kế hoạch, hiện tượng di dân tự do và tái định cư, xây dựng các công trình thủy điện, quá trình ĐTH và CNH... để quy kết Nhà nước ta cố tình tạo ra “sự bất bình đẳng” giữa người Việt và các TANTS, đặc biệt là tạo điều kiện cho các nông - lâm trường, tổ chức kinh tế nhà nước hay tư nhân “lấy đất” của các TANTS, khiến một bộ phận người dân không có hay thiếu đất ở và đất sản xuất, phải di chuyển vào rừng sâu để mưu sinh, phải bán những mảnh đất tốt của mình cho người Kinh hay giao cho các tổ chức doanh nghiệp nhà nước và tư nhân sử dụng, để rồi một số cá nhân và tổ chức này lại tiến hành “phát canh thu tô” trên chính mảnh đất đó đối với người dân tại chỗ. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch còn gây mâu thuẫn giữa cư dân mới đến và người dân sở tại bằng cách cáo buộc những người mới nhập cư là nhân tố góp phần tạo ra các thiên tai, dịch bệnh và tệ nạn xã hội ngày càng nghiêm trọng, phá vỡ các yếu tố văn hóa xã hội truyền thống của các TANTS.

3. Một số hạn chế chủ yếu

Qua phân tích các định hướng nghiên cứu và kết quả đạt được, có thể đưa ra một vài nhận xét về hạn chế chủ yếu trong nghiên cứu của Viện như sau:

- *Thứ nhất*, trong khi nghiên cứu nhiều về nhận diện tộc người và văn hóa tộc người, đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa của từng tộc người, nhóm tộc người ở một địa phương, một vùng cụ thể trong truyền thống hay hiện nay, thì vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và so sánh mang tính lý luận và thực tiễn về tộc người ở trong và ngoài nước trong điều kiện mới. Đặc biệt là ít chú trọng đến các vấn đề ý thức tộc người và ý thức dân tộc - quốc gia, huy động nội lực của các tộc người để củng cố sức mạnh của một quốc gia đa dân tộc trong bối cảnh phát triển đất nước, đồng thời chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình hội nhập, toàn cầu hóa.

- *Thứ hai*, tuy đã tập trung nghiên cứu về các tộc người và một số vấn đề chung của quốc gia đa tộc người Việt Nam, nhưng chưa thực sự đặt trong bối cảnh mới của đất nước, khu vực và quốc tế, nhất là dưới tác động của toàn cầu hóa, của các vấn đề tộc người, dân

tộc và tôn giáo liên/xuyên biên giới, nhất là tác động của chính sách dân tộc, chính sách quản lý và phát triển vùng biên cương của các nước láng giềng.

- *Thứ ba*, việc nghiên cứu tư vấn chính sách dân tộc còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ và toàn diện tình hình và yêu cầu mới. Như là hệ quả của quá trình nghiên cứu và nhận thức, nên hệ thống quan điểm và chính sách dân tộc hiện hành thường chỉ chú ý nhiều đến sự phát triển đơn lẻ của từng tộc người và từng vùng, tập trung vào giải quyết những vấn đề trước mắt mà thiếu chiến lược lâu dài có tác động sâu rộng, ít quan tâm đến mối quan hệ biện chứng giữa phát triển quốc gia đa tộc người và phát triển các tộc người, với yêu cầu có ý nghĩa sống còn là tăng cường củng cố khối thống nhất với sự phát triển của quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo trong tình hình mới.

- *Thứ tư*, cho đến nay vẫn còn thiếu những chương trình, đề tài nghiên cứu trọng điểm nhằm phục vụ chiến lược củng cố, phát triển cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam trong bối cảnh Đổi mới và hội nhập quốc tế; thiếu những chương trình nghiên cứu về xung đột và phân ly tộc người cũng như kiểm soát, giải quyết xung đột trong nội bộ tộc người, giữa các tộc người và quốc gia đa dân tộc; về các vấn đề cơ bản, cấp bách ở vùng biên giới và liên/xuyên biên giới gắn với nhận diện các vấn đề dân tộc, tộc người và chính sách dân tộc, chính sách vùng biên cương của các nước láng giềng và trong khu vực; về hệ thống các khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng hệ thống luận cứ khoa học có giá trị để phản bác lại những luận điệu của các thế lực thù địch thường sử dụng để chống phá nước ta trên lĩnh vực dân tộc.

- *Thứ năm*, một số nghiên cứu còn thiếu hay chưa chú ý thỏa đáng đến cơ sở nền tảng lý luận hoặc có đề cập nhưng sơ sài, dập khuôn một cách máy móc của nước ngoài, ít áp dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam. Do đó, các nghiên cứu thường thiên về mô tả một vấn đề của một hoặc vài tộc người tại một địa bàn cụ thể mà thiếu tính tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và dự báo.

- *Thứ sáu*, các công trình nghiên cứu chuyên khảo về các tộc người, vấn đề dân tộc được xuất bản còn ít, nhất là các ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài và ở nước ngoài. Đặc biệt, còn thiếu các nghiên cứu mang tính tổng thể, toàn diện về các tộc người, vấn đề dân tộc ở nước ta trong sự đối sánh với nước ngoài, nhất là các quốc gia láng giềng. Do đó, đến nay vẫn còn những tộc người, vấn đề dân tộc chưa được nghiên cứu đầy đủ và kỹ lưỡng, nhất là các tộc người có dân số ít, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, bộ phận là đồng tộc ở ngoài biên giới nước ta. Các vấn đề dân tộc nhạy cảm, phức tạp về lý luận và thực tiễn còn chưa được chú ý đúng mức và thấu đáo, như: quan hệ giữa các tộc người với quốc gia đa dân tộc, giữa các TNTS với TNĐS, vốn là hai quan hệ có vai trò vô cùng quan trọng trong sự ổn định và phát triển đất nước; việc hình thành các cộng đồng dân tộc - tôn giáo, cộng đồng hỗn hợp tộc người hoặc hỗn hợp quốc tịch; vấn đề phân ly, bất đồng cục bộ trong xã hội, trong một số tộc người, giữa các tộc người, giữa lợi ích của các tộc người với quốc gia đa dân tộc;... Còn thiếu các công trình nghiên cứu sâu về quan hệ giữa chính sách dân tộc với các

vấn đề dân tộc, tộc người ở trong nước và liên/xuyên biên giới; thiếu những nghiên cứu và sự nhạy bén trong việc tiếp thu, phản biện đối với các luận điểm học thuật, kết quả nghiên cứu chưa đúng hoặc chưa xác đáng của những học giả nước ngoài về các vấn đề dân tộc, tộc người ở nước ta, gây ra những tác động tiêu cực đến sự ổn định, phát triển của quốc gia Việt Nam và của các tộc người.

- *Thứ bảy*, sự kết nối giữa nghiên cứu với đào tạo và tham gia phản biện, tư vấn về chính sách còn hạn chế. Các đề tài, dự án hợp tác với các tổ chức, địa phương ở trong và ngoài nước còn ít, chủ yếu phụ thuộc vào năng lực của từng cá nhân, mà thiếu cơ chế phối hợp, chia sẻ và sử dụng kết quả nghiên cứu giữa Viện với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, tư vấn phát triển và quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc và liên quan đến dân tộc. Do đó, vai trò, vị trí của Viện về cơ bản còn chưa xứng tầm cả trên phương diện lý luận và thực tiễn.

- *Thứ tám*, hầu như các nghiên cứu còn thiếu tính thực nghiệm, ít thực hiện theo đúng quy trình khoa học từ xây dựng khái niệm, cơ sở lý luận, cách tiếp cận, khung phân tích, phương pháp nghiên cứu... đến áp dụng nghiên cứu thực tiễn, dự báo và đề xuất các giải pháp về những nội dung liên quan. Một số công trình nghiên cứu chỉ dựa vào tài liệu thống kê hay số liệu thứ cấp có sẵn, hoặc có triển khai thực địa nhưng ít tuân thủ quy trình mang tính thực nghiệm, nên giá trị khoa học của hệ thống số liệu, tư liệu không cao. Phương pháp áp dụng chủ yếu là từ trên xuống, ít hoặc không quan tâm đến phương pháp tham gia nên thiếu ý kiến, tiếng nói của người dân - chủ thể văn hóa tộc người và cũng là những người trong cuộc. Nhiều nghiên cứu vẫn theo kiểu kinh viện, khoa học thuần túy, nặng về lý thuyết mà thiếu tính thực tiễn hoặc ngược lại; một số đã áp dụng phương pháp liên/đa ngành, nhất là kết hợp với điều tra xã hội học nhưng trên thực tế còn hình thức nên tư liệu ít có giá trị khoa học. Thực trạng này đã ảnh hưởng đến chất lượng và đóng góp khoa học của một số công trình nghiên cứu, mà thực tế đã cho thấy các nghiên cứu thường trình bày tư liệu về thực trạng đang diễn ra, trong khi sự phân tích, đánh giá, dự báo, luận giải, đề xuất còn thiếu tính tổng hợp, thuyết phục và sâu sắc.

- *Thứ chín*, không ít nghiên cứu chủ yếu tiếp cận và tìm hiểu về những mặt tích cực của các tộc người, vấn đề dân tộc cũng như công tác dân tộc và chính sách dân tộc, trong khi ít quan tâm đến mặt hạn chế, những tác động tiêu cực còn tồn tại, đang nảy sinh cũng như dự báo những vấn đề mới có thể xuất hiện. Do đó, các kết quả đạt được, nội dung đề cập trong nghiên cứu còn chưa toàn diện, cập nhật, thiếu tính thuyết phục cả về lý luận và thực tiễn.

4. Một số khuyến nghị về nghiên cứu trong thời gian tới

Để tiếp tục phát huy những thành tựu to lớn đã đạt được, đồng thời khắc phục các hạn chế nêu trên, trong thời gian tới Viện Dân tộc học cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ nghiên cứu trọng tâm cả về lý luận và thực tiễn sau đây:

4.1. Về định hướng nghiên cứu

Tiếp tục tăng cường sự gắn kết giữa nghiên cứu cơ bản, ứng dụng, so sánh và dự báo; đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để góp phần xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, chính sách phát triển KT - XH các tộc người của Đảng và Nhà nước ta, công tác quản lý Nhà nước về dân tộc trong tình hình mới. Các nghiên cứu cần tập trung nhận diện thực tiễn sâu sắc hơn, tổng kết và bổ sung lý luận, làm rõ các vấn đề tộc người, dân tộc và những khó khăn, thách thức đang và sẽ đặt ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học bám sát yêu cầu phát triển của các vùng miền, các tộc người và nhóm xã hội, nhất là ở những địa bàn chiến lược, vùng biên giới, vùng đa dân tộc, vùng đa tôn giáo, các tộc người và vấn đề dân tộc có yếu tố phức tạp, nhạy cảm, nguy cơ tiềm ẩn. Chú trọng thỏa đáng nghiên cứu phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn về tộc người, dân tộc, QHDT và chính sách dân tộc nhằm góp phần củng cố tính thống nhất của quốc gia Việt Nam đa tộc người, đa tôn giáo, đa vùng miền và đa biên giới. Tăng cường sự hiểu biết về chính sách dân tộc, các tộc người và vấn đề dân tộc của những quốc gia láng giềng cũng như đánh giá tác động của chúng đến các động thái, xu hướng phát triển ở những tộc người và vấn đề dân tộc nước ta trong bối cảnh CNH, HĐH, hội nhập và toàn cầu hóa. Góp phần xây dựng hệ thống lý luận và thực tiễn nhằm chủ động phản bác hiệu quả những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch chống phá nước ta trên lĩnh vực dân tộc.

Để làm được như vậy, trước hết cần nhìn nhận và đặt các định hướng nghiên cứu này trong bối cảnh mới, đó là: các vấn đề tộc người và dân tộc nước ta có thể tiếp tục nảy sinh những điểm nóng, yếu tố mới phức tạp và khó lường, nhất là tại các vùng biên giới, địa bàn đa tộc người, đa tôn giáo, có vấn đề nhạy cảm về lịch sử, quan hệ giữa TNDS và TNTS cũng như ngày càng gia tăng các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc liên/xuyên biên giới; các vấn đề dân tộc và tôn giáo luôn đan xen, tác động lẫn nhau, trong đó một số tộc người và tôn giáo ở nước ta có tính quốc tế và mối quan hệ liên/xuyên biên giới chặt chẽ; các tộc người và vấn đề dân tộc ở nước ta ngày càng bị tác động mạnh bởi chính quá trình Đổi mới đất nước, toàn cầu hóa và hội nhập cũng như sự phát triển và lan tỏa của thành tựu công nghệ thông tin;... Đặc biệt là các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước tiếp tục, thậm chí gia tăng lợi dụng vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” chống phá nước ta. Trong bối cảnh ấy đã đặt ra yêu cầu cần tiếp tục chủ động nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, tổng kết lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng những cơ sở lý luận vững chắc, giải pháp khả thi để góp phần thực hiện thành công các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời chủ động phòng, chống hiệu quả những nội dung và luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tộc người để chống phá nước ta. Trong đó, cần chú ý một số định hướng nghiên cứu chính sau đây:

- Một là, nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về tính đặc thù trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, chính sách phát triển KT - XH ở các tộc người và thực hiện quyền con

người, nhất là cho các TNTS trong bối cảnh hiện nay ở nước ta trên cơ sở phù hợp với thông lệ quốc tế. Đây chính là vấn đề các thế lực thù địch thường lợi dụng để chống phá nước ta trên lĩnh vực dân tộc, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo.

- *Hai là*, tập trung nghiên cứu thật cơ bản, chuyên sâu, có hệ thống không chỉ về các tộc người và vấn đề dân tộc, mà còn về những khái niệm, lý thuyết, quan điểm của các học giả nước ngoài về những vấn đề dân tộc, tộc người liên quan. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm đến các vấn đề lý thuyết và thực tiễn về quá trình tộc người và phân loại tộc người; lý thuyết về QHDT và xây dựng, phát triển quốc gia đa dân tộc cùng các tộc người trong quốc gia đó; lý thuyết về xây dựng, phát triển ý thức quốc gia và văn hóa quốc gia trong sự đa dạng và biến đổi văn hóa tộc người dưới tác động của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa; lý thuyết về “lãnh thổ tộc người” và “biên giới quốc gia”; lý thuyết về đồng thuận và xung đột tộc người; lý thuyết về ly khai tự trị; lý thuyết về nhân quyền, chủ quyền và quyền tự quyết của các tộc người trong mối quan hệ với dân tộc - quốc gia đa dân tộc;...

- *Ba là*, tăng cường nghiên cứu lý luận, dự báo và đề xuất kiến nghị, giải pháp hữu hiệu và phù hợp hơn với bối cảnh mới để góp phần phát triển các tộc người, xây dựng củng cố cộng đồng dân tộc - quốc gia Việt Nam.

- *Bốn là*, nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về đổi mới nhận thức tư duy trong hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc trong bối cảnh quốc gia đa tộc người, đa văn hóa, đa tôn giáo và chịu sự tác động ngày càng mạnh mẽ của toàn cầu hóa, nhằm tạo nên sự ổn định chính trị, phát triển KT - XH. Đồng thời là giải pháp hữu hiệu để chống lại sự xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước ta của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước trên lĩnh vực dân tộc, tộc người trong điều kiện hiện nay.

- *Năm là*, nghiên cứu kỹ lưỡng các tộc người và những vấn đề dân tộc (nội dung, luận điệu, phương thức) mà các thế lực thù địch thường sử dụng để chống phá nước ta. Trong đó, tập trung vào 3 nhóm nội dung chính là: 1) Những vấn đề lịch sử, nguồn gốc, quá trình tộc người và QHDT; 2) Những vấn đề trong hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc gắn với công tác dân tộc của HTCT và đội ngũ cán bộ; và 3) Các tổ chức của người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là về nội dung, hình thức, mục đích hoạt động và các mối quan hệ của những tổ chức này.

4.2. Về chủ đề/vấn đề/nội dung nghiên cứu

Tập trung nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phát triển trong sự so sánh, có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, cấp bách về dân tộc, tộc người ở Việt Nam cũng như trên thế giới, cả trong lịch sử và đương đại dưới góc độ phát triển bền vững, từ cách tiếp cận của ngành Dân tộc học/Nhân học và liên đa ngành khoa học xã hội. Trong đó đáng chú ý là các vấn đề sau: 1) Quá trình tộc người và vai trò của các tộc người trong cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam; ý thức tộc người, ý thức quốc gia - dân tộc và

QHTN, QHDT; chính sách dân tộc, chính sách phát triển KT - XH ở nước ta và chính sách dân tộc, chính sách vùng biên giới của các nước láng giềng trong khu vực và trên thế giới; HTCT, đội ngũ cán bộ và công tác dân tộc; 2) Biến đổi kinh tế và sự phát triển của các tộc người; 3) Biến đổi xã hội (cấu trúc xã hội, phân tầng xã hội, giá trị xã hội, quan hệ xã hội) và sự phát triển của các tộc người; những vấn đề mới trong giáo dục, đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe; các vấn đề mới về cơ cấu dân số và phân bố tộc người, dân cư, lao động, việc làm và thu nhập; 4) Biến đổi văn hóa và sự phát triển của các tộc người trong bối cảnh xây dựng nền văn hóa quốc gia đa dân tộc Việt Nam; (5) Biến đổi môi trường và sự phát triển của các tộc người trong thời kỳ CNH, ĐTH, tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai. 6) Biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng và sự phát triển của các tộc người.

Đặc biệt, cần tập trung nghiên cứu về lý luận và thực tiễn nhằm góp phần luận giải, giải quyết một số vấn đề dân tộc, tộc người trọng tâm dưới đây:

- *Về lý luận*, tập trung nghiên cứu về vấn đề xây dựng, củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc - quốc gia Việt Nam thống nhất trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế; quản lý và phát triển các mối QHTN tốt đẹp để giải quyết vấn đề bất đồng xã hội và phân ly tộc người trong điều kiện mới; xây dựng, củng cố và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam thống nhất trong đa dạng bản sắc văn hóa tộc người; đổi mới tư duy hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta trong một quốc gia thống nhất đa dân tộc dưới tác động của phát triển, hội nhập và toàn cầu hóa; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức để phòng, chống hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trong lĩnh vực dân tộc.

- *Về thực tiễn*, tập trung nghiên cứu làm rõ và góp phần giải quyết các vấn đề dân tộc, tộc người đang đặt ra hiện nay gồm:

+ Những hạn chế trong quá trình hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc, chính sách phát triển KT - XH ở vùng dân tộc, vùng biên giới của nước ta, nhất là về xây dựng một tầm nhìn chiến lược mang tính căn cốt, lâu dài, tránh sự chông chéo, dàn trải, mang tính tư duy nhiệm kỳ và nhóm lợi ích nên hiệu quả chưa cao trong thời gian qua. Trong khi đó, chính sách dân tộc và chính sách vùng biên giới của các quốc gia láng giềng, trong khu vực đã và đang có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến vấn đề dân tộc, tộc người ở nước ta. Đây vừa là các yếu tố thuận lợi nhưng cũng ẩn chứa, đan xen nhiều nhân tố cản trở, nguy cơ tiềm ẩn gây trở ngại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là vùng biên cương của nước ta.

+ Các động thái mới về dân tộc, tôn giáo mang tính liên tộc người, liên vùng và liên/xuyên biên giới ngày càng tăng cường, diễn ra mạnh mẽ, sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, dưới nhiều hình thức, ở các cấp độ và mức độ khác nhau tại một số địa phương, vùng miền trên cả nước. Không chỉ diễn ra ở dọc đường biên giới, ven biển và hải đảo mà còn ở sâu trong nội địa, đặt ra nhiều thách thức về an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo và môi trường.

+ Các giá trị văn hóa tộc người, ý thức của các tộc người và chuẩn mực xã hội của các cộng đồng dân cư đang biến đổi nhanh chóng, gây ra những tác động mạnh mẽ đến chiến lược xây dựng những giá trị văn hóa tộc người và tăng cường tính thống nhất của quốc gia cũng như ý thức chung về dân tộc Việt Nam nói chung và ở các khu vực biên giới nói riêng.

+ Quan hệ giữa một số tộc người trong địa bàn cư trú và của một bộ phận người dân các tộc người với HTCT đã tiềm ẩn nảy sinh bất đồng, cục bộ, dẫn đến thiếu đồng thuận xã hội, hiện tượng cố kết và phân ly trong nội bộ tộc người, giữa các dân tộc và giữa người dân với HTCT đang diễn ra đan xen, phức tạp.

+ Phân hóa, phân tầng xã hội, chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền, giữa các tộc người và trong từng tộc người, từng vùng miền, từng cộng đồng dân cư đang diễn ra ngày càng sâu sắc, đặt ra vấn đề về quyền được phát triển bình đẳng, nhất là quyền được tiếp cận, hưởng dụng của các tộc người đối với những nguồn lực công, chính sách công của Nhà nước.

+ Các động thái dân số mới và sự phân bố lại dân cư, dân tộc đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và phát triển KT - XH. Đặc biệt là sự hình thành các cộng đồng tôn giáo khá tập trung, các tổ chức doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài gắn với việc hình thành một số nhóm dân cư người nước ngoài ở một số địa bàn trọng yếu đang đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức về quyền quản lý và hưởng dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, quan hệ về lợi ích giữa các cộng đồng dân cư, của người dân với các doanh nghiệp này, công tác quản lý xã hội.

+ Tình trạng khai thác cạn kiệt dẫn đến suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên cùng với tác động của biến đổi khí hậu, quá trình ĐTH, CNH đã ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống của người dân, khiến cho môi trường sống bị hủy hoại và không gian sinh tồn của các cộng đồng bị thu hẹp, người dân không chỉ thiếu và mất tư liệu sản xuất chính là đất, rừng và nước mà còn chịu nhiều thảm họa thiên tai, nhân tai.

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm dần và lệ thuộc nhất định vào một số nguồn lực và yếu tố bên ngoài; điều kiện cơ sở hạ tầng, chất lượng giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ xã hội... còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân và sự phát triển của xã hội, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

4.3. Về cách tiếp cận nghiên cứu

Các nghiên cứu cần chú ý thỏa đáng hơn đến việc xây dựng hệ thống cơ sở lý luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu để áp dụng phù hợp vào thực tiễn một cách sáng tạo, tránh dập khuôn máy móc, chủ quan theo ý chí và mục đích của người nghiên cứu, trong đó cần chú trọng:

- Từ góc nhìn Dân tộc học và liên/đa ngành để đẩy mạnh những nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống, toàn diện về các tộc người, những vấn đề dân tộc ở nước ta trong sự so sánh, đối chiếu với đồng tộc, cùng một vấn đề nhưng ở các tộc người, các vùng miền khác

trong nước và với nước ngoài, nhất là những quốc gia láng giềng và trong khu vực. Chú ý hơn đến các tộc người, vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc ở vùng biên giới, vùng ven biển và hải đảo của nước ta và của các quốc gia láng giềng; tập trung luận giải làm rõ và sâu sắc hơn các vấn đề dân tộc nhạy cảm, phức tạp về lý luận và thực tiễn cũng như tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu với đào tạo và tư vấn chính sách.

- Tăng cường các nghiên cứu mang tính thực nghiệm, liên đa ngành và xuyên ngành, được thực hiện theo đúng quy trình khoa học từ xây dựng cơ sở lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu đến áp dụng nghiên cứu vào thực tiễn. Tránh các nghiên cứu chỉ dựa vào tài liệu thống kê hay số liệu thứ cấp có sẵn, hoặc có triển khai thực địa nhưng không được thực hiện theo đúng quy trình mang tính thực nghiệm, thực hiện chiếu lệ, hình thức; phương pháp áp dụng chủ yếu là từ trên xuống nên thiếu sự tham gia và ý kiến của người dân - chủ thể văn hóa và là người trong cuộc. Đồng thời, cũng cần tránh các nghiên cứu lý thuyết khoa học thuần túy một cách kinh viện mà thiếu tính thực tiễn, nhưng cũng hết sức tránh các nghiên cứu thiên về mô tả và trình bày tư liệu về thực trạng một vấn đề đang diễn ra mà thiếu sự phân tích, đánh giá, tổng hợp và luận giải cũng như dự báo và đề xuất các khuyến nghị, giải pháp khoa học một cách có hệ thống, sâu sắc, thuyết phục.

- Các nghiên cứu cần tiếp cận và tìm hiểu cả những mặt tích cực và hạn chế của các tộc người, những vấn đề dân tộc cũng như công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Đặc biệt chú ý dự báo những nhân tố không mong muốn còn tồn tại và có thể nảy sinh những mâu thuẫn, xung đột cũng như đề xuất các giải pháp giải quyết để kết quả khoa học được toàn diện, cập nhật, thuyết phục hơn cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn - Bùi Minh Đạo (Chủ biên, 2003), *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bé Viết Đăng (2006), *Dân tộc học Việt Nam: Định hướng và thành tựu nghiên cứu (1973 - 1998)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Minh (2016), *Một số lý thuyết về tộc người và tiếp cận ở Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ (2015 - 2016), Viện Dân tộc học, Hà Nội.

Phụ lục 1

DANH MỤC SÁCH CỦA VIỆN, CÁN BỘ VIỆN LÀ TÁC GIẢ ĐỘC LẬP, CHỦ BIÊN, ĐỒNG CHỦ BIÊN VÀ LÀ CÁC TÁC GIẢ CHÍNH

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản
I	SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN		
1	Chủ tịch Hồ Chí Minh và vấn đề dân tộc	Nguyễn Dương Bình (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1990
2	Dân ca Sán Dìu	Diệp Thanh Bình (sưu tầm và biên dịch)	Văn hóa dân tộc, 1987
3	Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam và môi trường	Hoàng Hữu Bình	Khoa học xã hội, 1998
4	Vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc và miền núi	Hoàng Hữu Bình	Lý luận chính trị, 2005
5	Dân tộc Xinh Mun ở Việt Nam	Trần Bình	Văn hóa dân tộc, 1999
6	Tập quán mưu sinh của các dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam	Trần Bình	Phương Đông, 2005
7	Tập quán hoạt động kinh tế của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam	Trần Bình	Văn hóa dân tộc, 2001
8	Về văn hóa Xinh Mun	Trần Bình	Khoa học xã hội, 2002
9	Người Sán Dìu ở Việt Nam	Ma Khánh Bằng	Khoa học xã hội, 1983
10	Ảnh hưởng của các yếu tố tộc người tới phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận	Ngô Thị Chính, Tạ Long	Khoa học xã hội, 2007
11	Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam /Population and Ethno-demography in Vietnam	Khổng Diễm	Khoa học xã hội, 1995; Silkworm Books, 2002
12	Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc	Khổng Diễm (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1996
13	Dân số kế hoạch hoá gia đình người Mông ở Hoà Bình	Khổng Diễm, Nguyễn Thế Huệ, Đào Huy Khuê, Hoàng Hữu Bình, Đặng Thị Hoa, Nguyễn Thuý Phi, Ma Chương Khiêm	Khoa học xã hội 1998

14	Dân tộc Khơ Mú ở Việt Nam	Khổng Diễm (chủ biên)	Văn hoá dân tộc, 1999
15	Dân tộc La Hủ ở Việt Nam	Khổng Diễm (chủ biên)	Văn hoá dân tộc, 2000
16	Dân tộc Si La ở Việt Nam	Khổng Diễm (chủ biên)	Văn hoá dân tộc, 2001
17	Dân số kế hoạch hóa gia đình các dân tộc ở Hòa Bình	Khổng Diễm (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2001
18	Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam	Khổng Diễm (chủ biên)	Văn hoá dân tộc, 2003
19	Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI	Khổng Diễm - Bùi Minh Đạo (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2003
20	Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên	Bùi Minh Đạo	Khoa học xã hội, 2000
21	Một số vấn đề giảm nghèo ở các dân tộc thiểu số Việt Nam	Bùi Minh Đạo (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2003
22	Dân tộc Cơ Ho ở Việt Nam	Bùi Minh Đạo (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2003
23	Thực trạng đói nghèo và một số giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên	Bùi Minh Đạo (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2005
24	Dân tộc Ba Na ở Việt Nam	Bùi Minh Đạo (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2006
25	Nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Nghệ An	Lê Hải Đăng	Khoa học xã hội, 2013
26	Người Dao ở Việt Nam	Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung	Khoa học xã hội, 1971
27	Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Đăk Lăk	Bé Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi	Khoa học xã hội, 1982
28	Một số vấn đề về phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số (Cái chung và cái riêng trong nền văn hóa Việt Nam)	Bé Viết Đăng, Nông Quốc Chấn	Khoa học xã hội, 1987
29	Văn Lãng huyện biên giới Lạng Sơn	Bé Viết Đăng (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1990
30	Những biến đổi về kinh tế - văn hóa ở các tỉnh miền núi phía Bắc	Bé Viết Đăng (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1993
31	50 năm các dân tộc thiểu số Việt Nam (1945 - 1995)	Bé Viết Đăng (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1995
32	Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi	Bé Viết Đăng (chủ biên)	Chính trị Quốc gia và Văn hóa dân tộc, 1996

33	Lệ làng phép nước	Bùi Xuân Đính	Pháp lý, 1985
34	Lịch sử cách mạng xã Dương Nội	Bùi Xuân Đính	Hà Nội, 1987
35	Lịch sử xã Đông La	Bùi Xuân Đính	Lao động, 1995
36	Thủy lợi và quan hệ làng xã: Thử nghiệm nghiên cứu tại một làng đồng bằng Bắc Bộ	Mai Văn Hai, Bùi Xuân Đính	Khoa học xã hội, 1997
37	Hương ước và quản lý làng xã	Bùi Xuân Đính	Khoa học xã hội, 1998
38	101 truyện pháp luật thời xưa	Bùi Xuân Đính	Thanh niên, 1999
39	Tiến sĩ Nho học Thăng Long Hà Nội	Bùi Xuân Đính	Hà Nội, 2003; Thanh niên, 2010
40	Các làng khoa bảng Thăng Long-Hà Nội	Bùi Xuân Đính, Nguyễn Viết Chức (đồng chủ biên)	Chính trị Quốc gia, 2004, 2010
41	Những kế sách xây dựng đất nước của cha ông ta	Bùi Xuân Đính	Tư pháp, 2004; Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2018
42	Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Việt Nam: Những suy ngẫm	Bùi Xuân Đính	Tư pháp, 2005
43	Những câu chuyện pháp luật thời phong kiến (hai tập)	Bùi Xuân Đính	Tư pháp, 2005
44	Tiến sĩ nho học Thăng Long - Hà Nội	Bùi Xuân Đính	Thanh niên, 2005
45	Hành trình về làng Việt cổ. Tập I: Các làng quê xứ Đoài	Bùi Xuân Đính	Từ điển bách khoa, 2008
46	Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai (Hà Nội): Truyền thống và biến đổi	Bùi Xuân Đính (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2009
47	Tứ Hiệp - truyền thống lịch sử văn hóa và cách mạng	Bùi Xuân Đính	Văn hóa Thông tin, 2009
48	Đông Anh với nghìn năm Thăng Long - Hà Nội	Bùi Xuân Đính, Nguyễn Khả Hùng, Nguyễn Văn Quang (chủ biên)	Hà Nội, 2010
49	Giáo dục và khoa cử Nho học Thăng Long - Hà Nội	Bùi Xuân Đính	Hà Nội, 2010
50	Đại Áng - truyền thống lịch sử văn hóa và cách mạng	Bùi Xuân Đính	Hà Nội, 2011
51	Nguyệt Áng - làng khoa bảng	Bùi Xuân Đính	Hà Nội, 2011
52	Các tộc người ở Việt Nam (giáo trình dùng cho sinh viên ngành Việt Nam học, Văn hóa, Du lịch các trường đại học và cao đẳng)	Bùi Xuân Đính	Thời đại, 2012

53	Bát Tràng - làng nghề, làng văn	Bùi Xuân Đỉnh (chủ biên)	Hà Nội, 2013
54	Hành trình về làng Việt cổ. Tập II: Các làng quê xứ Nam	Bùi Xuân Đỉnh (chủ biên)	Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, 2013
55	Xuân Canh - truyền thống lịch sử văn hóa và cách mạng	Bùi Xuân Đỉnh	Hà Nội, 2014
56	Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam	Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2013
57	Thụy Lâm - truyền thống lịch sử văn hóa và cách mạng	Bùi Xuân Đỉnh	Hà Nội, 2017
58	Bách khoa thư Hà Nội. Tập VI: Giáo dục	Bùi Xuân Đỉnh	Chính trị Quốc gia, 2017
59	Các dân tộc Tây Nùng với tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp	Trần Văn Hà	Khoa học xã hội, 1999
60	Phát triển nông thôn miền núi và dân tộc trong thời kỳ kinh tế chuyển đổi (từ thực tiễn một xã vùng cao Tây Bắc)	Trần Văn Hà (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2007
61	Tái định cư thủy điện ở Việt Nam thời Đổi mới	Trần Văn Hà (chủ biên)	Từ điển bách khoa, 2011
62	Tác động của đập thủy điện đến phát triển sinh kế bền vững cư dân vùng hạ lưu	Trần Văn Hà (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
63	Phân tích kết quả điều tra kinh tế - xã hội và văn hóa ở các dân tộc Tây, Nùng, Thái, Mường, Chăm và Khome (1980 - 1983)	Trần Văn Hà, Nguyễn Thị Thanh Bình (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2016
64	Một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La	Trần Văn Hà	Khoa học xã hội, 2017
65	Local Knowledge and Food Security among the Red Yao Ethnic Group in Vietnam	Trần Hồng Hạnh	Lit Verlag, 2009
66	Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng Tây Nguyên	Trần Minh Hằng, Nguyễn Công Thảo (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2016
67	Tìm hiểu làng Việt	Diệp Đình Hoa (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1990
68	Làng Nguyễn, Tìm hiểu làng Việt. Tập II	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 1994
69	Sự biến động của cộng đồng dân tộc do tác động của hồ Hòa Bình	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 1995
70	Làng Bền Gỗ xưa và nay	Diệp Đình Hoa	Đồng Nai, 1995
71	Cộng đồng dân tộc Tây Bắc Việt Nam và thủy điện	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 1996

72	Dân tộc H'Mông và thế giới thực vật	Diệp Đình Hoa	Văn hóa dân tộc, 1998
73	Làng Bến Cá - Xưa và nay	Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng	Văn hóa dân tộc, 1998
74	Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 2000
75	Người Dao ở Trung Quốc (qua những công trình nghiên cứu của học giả Trung Quốc)	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 2002
76	Làng Cây Dừa. Tập I: Măng Lung	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 2004
77	Làng Cây Dừa. Tập II: Dân tộc lịch sử học về xã Bình Quang 1945 - 1975	Diệp Đình Hoa	Khoa học xã hội, 2004
78	Quản lý xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong phát triển bền vững	Đặng Thị Hoa (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2014
79	Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn Nghệ An	Trần Tất Chung, Phạm Quang Hoan, Moong Văn Nghệ, Cao Tiến Tân, Nguyễn Ngọc Thanh, Vương Xuân Tình, Cầm Trọng	Chính trị Quốc gia, 1995
80	Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang	Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (đồng chủ biên)	Văn hóa dân tộc, 1999
81	Dân tộc Cơ Lao ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi	Phạm Quang Hoan (chủ biên)	Văn hóa dân tộc, 2003
82	Dân tộc Kháng ở Việt Nam	Phạm Quang Hoan, Đặng Thị Hoa (đồng chủ biên)	Văn hóa dân tộc, 2011
83	Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La	Phạm Quang Hoan (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
84	Tri thức địa phương về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em của người Hmông ở xã Văn Lãng - huyện Đông Hỷ - tỉnh Thái Nguyên	Vũ Thị Hồng, Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khoa học xã hội, 2006
85	Biến động dân số trong quá trình phát triển nông thôn châu thổ sông Hồng từ năm 1976 đến nay	Nguyễn Thế Huệ	Chính trị Quốc gia, 1995
86	Dân số các dân tộc miền núi và trung du Bắc Bộ từ sau đổi mới	Nguyễn Thế Huệ	Văn hóa dân tộc, 2000

87	Dân số và phát triển của dân tộc Brâu và Rơ Măm ở Tây Nguyên	Nguyễn Thế Huệ	Văn hóa dân tộc, 2002
88	Văn hóa và nếp sống các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hà Nhì - Lô Lô	Nguyễn Văn Huy	Văn hóa, 1985
89	Văn hóa truyền thống của người La Chí	Nguyễn Văn Huy	Văn hóa dân tộc, 1991
90	Nghi lễ của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay	Trịnh Thị Lan	Mỹ thuật, 2017
91	Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước	Lã Văn Lô	Khoa học xã hội, 1973
92	Bản về cách mạng tư tưởng và văn hóa ở vùng các dân tộc thiểu số	Lã Văn Lô, Hà Văn Thư	Văn hóa, 1980
93	Lượn Sluong	Lã Văn Lô, Phương Bằng (sưu tầm, biên dịch)	Văn hóa dân tộc, 1992
94	Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô-Pôlynêxia Trường Sơn - Tây Nguyên	Vũ Đình Lợi	Khoa học xã hội, 1994
96	Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên	Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng	Khoa học xã hội, 2000
96	Sự biến đổi nền nông nghiệp châu thổ Thái Bình ở vùng núi Điện Biên Lai Châu	Tạ Long, Ngô Thị Chính	Nông nghiệp, 2000
97	Biến đổi môi trường dưới tác động của các hệ nhân văn ở Điện Biên, Lai Châu	Tạ Long, Ngô Thị Chính	Khoa học xã hội, 2003
98	Sự phát triển của làng nghề La Phù	Tạ Long (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2006
99	Tôn giáo tín ngưỡng của người Ve ở Việt Nam	Nguyễn Văn Minh	Khoa học xã hội, 2009
100	Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam	Nguyễn Văn Minh	Khoa học xã hội, 2013
101	Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay	Nguyễn Văn Minh	Công an nhân dân, 2017
102	Văn hóa dân gian dân tộc Nùng ở Việt Nam	Hoàng Nam, Hoàng Lê Thảo (sưu tầm, biên soạn)	Hội nhà văn, 2017
103	Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại	Nguyễn Thị Thanh Nga	Khoa học xã hội, 2003
104	Người Mường ở Tân Lạc tỉnh Hòa Bình	Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh (đồng chủ biên)	Văn hoá - Thông tin, 2003

105	Văn hóa truyền thống một số tộc người ở Hòa Bình	Nguyễn Thị Thanh Nga (chủ biên)	Văn hóa dân tộc, 2007
106	Thành ngữ Tày Nùng: Giải thích bằng tiếng Việt	Lục Văn Pảo (biên soạn)	Khoa học xã hội, 1991
107	Put Tày (Chant culturel de l'ethnie Tay du Vietnam)	Lục Văn Pảo (sưu tầm, biên soạn)	Khoa học xã hội, 1992
108	Lượn cọi	Lục Văn Pảo (sưu tầm, phiên âm, dịch)	Văn hóa dân tộc, 1994
109	Bộ Then Tứ Bách	Lục Văn Pảo (sưu tầm, biên soạn và dịch)	Văn hóa dân tộc, 1996
110	Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của nhóm Dao Tiền ở Ba Bể, Bắc Kạn	Lý Hành Sơn	Khoa học xã hội, 2003
111	Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc	Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
112	Sinh kế của cư dân các làng chài dọc sông Lô ở hai tỉnh Tuyên Quang và Phú Thọ	Nguyễn Thị Tám	Khoa học xã hội, 2017
113	Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Ngọc Thanh	Khoa học xã hội, 2005
114	Tác động của đô thị hóa - công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi văn hóa - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thế Trường (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2009
115	Tri thức địa phương của người Mường trong sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên	Nguyễn Ngọc Thanh, Trần Hồng Thu (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2009
116	Văn hóa truyền thống dân tộc Sán Dìu ở Tuyên Quang	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2011
117	Một số vấn đề về chính sách giáo dục ở vùng cao miền núi phía Bắc Việt Nam	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
118	Địa chí Vĩnh Phúc	Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thế Trường (tổng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
119	Tri thức địa phương của người dân sống trong vùng quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
120	Việt Nam những vùng địa linh nhân kiệt	Nguyễn Ngọc Thanh	Khoa học xã hội, 2013
121	Văn hóa truyền thống người Thủy ở Tuyên Quang	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Thời đại, 2014
122	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Hồng Đức, 2015
123	Người Dao Quần Chẹt ở miền núi và trung du Bắc Bộ	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Thế giới, 2015
124	Tri thức dân gian của dân tộc Dao trong sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2016

125	Văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2016
126	Văn hóa truyền thống dân tộc Tày ở Tuyên Quang	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2016
127	Những sự kiện lịch sử Việt Nam tiêu biểu thế kỷ XX	Nguyễn Ngọc Thanh	Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2017
128	Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? : Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành	Nguyễn Văn Thắng (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2009
129	Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan: Sử thi Êđê (hai tập)	Nguyễn Hữu Thấu	Chính trị quốc gia, 2003
130	Tiền Hải miền quê lán biển	Đoàn Đình Thi	Khoa học xã hội, 2000
131	Tập quán ăn uống của người Việt vùng Kinh Bắc	Vương Xuân Tình	Khoa học xã hội, 2004
132	Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc	Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2012
133	Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam	Vương Xuân Tình (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2014
134	Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 1: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường	Vương Xuân Tình (chủ biên)	Chính trị quốc gia, 2015
135	Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 2: Nhóm ngôn ngữ Tày Thái - Kàđai	Vương Xuân Tình (chủ biên)	Chính trị quốc gia, 2016
136	Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng Nam Bộ	Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2016
137	Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 3: Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme	Vương Xuân Tình (chủ biên)	Chính trị quốc gia, 2017
138	Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 4: Nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao, Hán, Tạng - Miến và Mã Lai - Đa Đảo	Vương Xuân Tình (chủ biên)	Chính trị quốc gia, 2018
139	Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam	Cầm Trọng	Khoa học xã hội, 1978
140	Mấy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế - xã hội cổ đại người Thái Tây Bắc Việt Nam	Cầm Trọng	Khoa học xã hội, 1987
141	Un village du Delta du fleuve Rouge (Vietnam) Mông Phụ một làng ở Đồng bằng Sông Hồng	Nguyễn Tùng (chủ biên), Bê Viết Đăng, Diệp Đình Hoa, Nelly Krowolski, Nguyễn Dương Bình, Nguyễn Xuân Linh, Trần Văn Hà, Võ Thị Thường	L'Harmattan (Paris) 1999; Văn hóa Thông tin, 2003

142	Nhà cửa các dân tộc ở trung du Bắc Bộ Việt Nam	Nguyễn Khắc Tụng	Khoa học xã hội, 1978
143	Đại gia đình dân tộc Việt Nam	Nguyễn Khắc Tụng, Ngô Vĩnh Bình	Giáo dục, 1981
144	Nhà rông các dân tộc Bắc Tây Nguyên	Nguyễn Khắc Tụng (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1991
145	Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam. Tập I	Nguyễn Khắc Tụng	Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 1993
146	Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam. Tập II	Nguyễn Khắc Tụng	Xây dựng, 1996
147	Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam	Nguyễn Khắc Tụng, Nguyễn Anh Cường	Khoa học xã hội, 2004
148	Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại	Lê Thị Nhâm Tuyết	Khoa học xã hội, 1975
149	Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam	Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên	Khoa học xã hội, 1972
150	Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1977
151	Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1981
152	Les Ethnies minoritaires du Vietnam	Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng	Edition en Langues Etrangeres, 1986
153	Tìm hiểu văn hóa cổ truyền của người Thái Mai Châu	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Hà Sơn Bình, 1988
154	Tuyển tập văn học các dân tộc ít người ở Việt Nam. Quyển thứ nhất	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1992
155	Tuyển tập văn học các dân tộc ít người ở Việt Nam. Quyển thứ hai	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1992
156	Tuyển tập văn học các dân tộc ít người ở Việt Nam. Quyển thứ ba	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1992
157	Tuyển tập các dân tộc ít người ở Việt Nam. Quyển thứ tư	Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên)	Khoa học xã hội, 1992
158	Các dân tộc ít người ở Việt Nam: Các tỉnh phía Bắc	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 1978, 2014
159	Góp phần nghiên cứu bản lĩnh, bản sắc các dân tộc ở Việt Nam	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 1980
160	15 năm hoạt động khoa học của Viện Dân tộc học (1968 - 1983)	Viện Dân tộc học	Viện Dân tộc học, 1983
161	Các dân tộc ít người ở Việt Nam: Các tỉnh phía Nam	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 1984, 2014
161	Một số vấn đề kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 1987

163	Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam	Viện Dân tộc học	Hà Nội, 1992
164	Tổng mục lục 20 năm - Tạp chí Dân tộc học 1974 - 1994	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 1994
165	30 năm Viện Dân tộc học xây dựng và phát triển 1968 - 1998	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 1998
166	Sự phát triển văn hóa xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai	Viện Dân tộc học	Hà Nội, 1998
167	Người Hmông ở Việt Nam	Viện Dân tộc học	Thông tấn, 2005
168	Tổng mục lục 30 năm Tạp chí Dân tộc học (1974 - 2004)	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 2005
169	Thông báo dân tộc học năm 2004	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 2006
170	Thông báo dân tộc học năm 2005	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 2006
171	Thông báo dân tộc học năm 2006	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 2007
172	Người Dao ở Việt Nam	Viện Dân tộc học	Thông tấn, 2007
173	Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam	Viện Dân tộc học	Văn học, 2007
174	Những vấn đề cơ bản cấp bách về dân tộc, tộc người ở nước ta hiện nay: Lý luận và thực tiễn	Viện Dân tộc học	Khoa học xã hội, 2017
175	Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội	Trần Thị Hồng Yến	Chính trị quốc gia - Sự thật, 2013
II	CÁC BẢN THẢO ĐÃ GỬI ĐẾN NHÀ XUẤT BẢN		
1	Vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên	Bùi Văn Đạo	Khoa học xã hội, 2018
2	Vai trò của các nhóm xã hội già làng, trí thức và phụ nữ các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên	Bùi Văn Đạo	Quân đội nhân dân, 2018
3	Quan hệ tộc người với cộng đồng dân tộc - quốc gia ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế	Vương Xuân Tình (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
4	Một số lý thuyết về tộc người và tiếp cận ở Việt Nam	Nguyễn Văn Minh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
5	Đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa - Góc nhìn Dân tộc học	Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Thị Thanh Bình (đồng chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
6	Địa chí Hoài Đức	Bùi Xuân Đỉnh (chủ biên)	Chính trị Quốc gia, 2018
7	Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam	Trần Hồng Hạnh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018

8	Biến đổi về văn hóa xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc	Trần Thị Hồng Yên (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
9	Đặc trưng văn hóa vùng Tây Bắc	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
10	Đặc trưng văn hóa vùng Tây Bắc	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
11	Đặc trưng văn hóa vùng Đông Bắc	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
12	Đặc trưng văn hóa vùng Tây Nguyên	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
13	Đặc trưng văn hóa vùng Bắc Trung Bộ	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
14	Đặc trưng văn hóa vùng Nam Trung Bộ	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
15	Đặc trưng văn hóa vùng Đồng bằng Sông Hồng	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
16	Đặc trưng văn hóa vùng Nam Bộ	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018
17	Hôn nhân và Gia đình dân tộc Raglai	Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên)	Khoa học xã hội, 2018

Phụ lục 2

**DANH MỤC ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU
CỦA VIỆN DÂN TỘC HỌC GIAI ĐOẠN 2001 - 2018**

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện
I	ĐỀ TÀI CẤP NHÀ NƯỚC VÀ CẤP QUỐC GIA		
1	Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2012-2014
2	Tri thức dân gian (tri thức tộc người) của dân tộc Dao trong sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2012-2015
3	Chính sách tái định cư trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi: Nghiên cứu trường hợp dự án thủy điện Sơn La	TS. Trần Văn Hà	2012-2015

4	Các hiện tượng tôn giáo mới vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay và ảnh hưởng của chúng trong thời kỳ đổi mới	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh	2013-2016
5	Chuyên đổi sinh kế của các dân tộc thiểu số vùng biên giới Việt - Trung	PGS.TS. Trần Hồng Hạnh	2015-2016
6	Ứng phó của cư dân vùng bán đảo Cà Mau dưới tác động của cảnh quan môi trường từ năm 1986 đến nay	TS. Nguyễn Trường Giang	2017-2019
7	Chính sách đất đai vùng Đông Bắc Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2017	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	2017-2019
8	Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây duyên hải Trung Bộ	PGS.TS. Bùi Văn Đạo	2018-2020
9	Xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và tôn giáo nhằm đảm bảo ổn định và đồng thuận xã hội	TS. Trần Thị Hồng Yến	2018-2020
10	Đánh giá hiệu quả, tác động của chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1990 đến nay	TS. Trần Minh Hằng	2018-2020
II	ĐỀ TÀI, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ		
1	Nâng cao năng lực nghiên cứu các dân tộc thiểu số	PGS.TS. Khổng Diễm	2000-2002
2	Phụ nữ Khơ-me với các chương trình tín dụng ở Trà Vinh	ThS. Vũ Đình Mười	2003-2004
3	Xây dựng khung chương trình đào tạo sau đại học Dân tộc học/Nhân học văn hóa - xã hội	PGS.TS. Khổng Diễm	2003-2006
4	Cách ứng phó với nạn thiếu lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao Việt Nam (qua nghiên cứu 3 tộc người: Dao, Mường và Thổ tại 3 tỉnh Bắc Kạn, Hòa Bình và Nghệ An)	TS. Vương Xuân Tình	2005-2006
5	Nghiên cứu giới ở Việt Nam (giai đoạn III)	TS. Đỗ Thúy Bình	2006-2008
6	Cách ứng phó với nạn thiếu lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao Việt Nam và Lào: Tăng cường năng lực và hợp tác nghiên cứu giữa Viện Dân tộc học Việt Nam và Viện Nghiên cứu văn hóa Lào	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2007-2008

7	“Sốt đất và phá sản”: Đô thị hóa và phát triển bền vững ở các cộng đồng ven đô Hà Nội	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	2012-2014
8	Biến đổi xã hội trong quá trình đô thị hóa ở một xã người Tày vùng Đông Bắc Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	2016
9	Đô thị hóa và biến đổi xã hội ở nông thôn đương đại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, TS. Nguyễn Công Thảo	2018
III	ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC TỔ CHỨC, ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC		
1	Dự án Điều tra cơ bản kinh tế, xã hội, văn hóa các dân tộc ở Việt Nam	PGS.TS. Khổng Diễn	1997-2002
2	Dự án Điều tra xác minh thành phần dân tộc ở Việt Nam	PGS.TS. Khổng Diễn	2002-2005
3	Địa chí Vĩnh Phúc	PGS.TS. Phạm Quang Hoan, TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2006-2009
4	Nghiên cứu các thiết chế xã hội truyền thống và đề xuất nội dung phát huy vai trò tích cực trong quản lý xã hội ở các địa bàn dân cư, dân tộc tỉnh Sơn La	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2007-2008
5	Thực trạng đói nghèo và phân tầng xã hội ở Vĩnh Phúc hiện nay	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2006-2007
6	Tác động đô thị hóa, công nghiệp hóa tới phát triển kinh tế và biến đổi xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2007-2008
7	Nghiên cứu về chỉ số IQ đối với học sinh tiểu học tỉnh Hòa Bình	TS. Đào Huy Khuê	2008-2010
8	Nghiên cứu văn hóa truyền thống của dân tộc Sán Dìu ở Tuyên Quang	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2008-2010
9	Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh từ 9 đến 17 tuổi ở một số tộc người tỉnh Điện Biên và những yếu tố tác động	ThS. Nguyễn Bảo Đồng	2009-2010
10	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống tới giáo dục và chăm sóc trẻ em ở một số dân tộc tỉnh Sơn La	TS. Đặng Thị Hoa	2011-2012
11	Văn hóa truyền thống người Thủy ở Tuyên Quang	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2012-2013
12	Văn hóa dân tộc và tiềm năng du lịch ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	ThS. Đoàn Việt	2012-2013
13	Dự án Điều tra cơ bản các dân tộc vùng Tây Bắc	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2008-2010

14	Dự án Nghiên cứu bảo tồn văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ và vùng tái định cư nhà máy thủy điện Sơn La	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2008-2013
15	Nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống góp phần xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Bình	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2012-2013
16	Nâng cao chất lượng quản lý đào tạo cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên trong điều kiện hiện nay	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh	2013-2014
17	Nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Tày ở tỉnh Tuyên Quang	TS. Lê Hải Đăng	2013-2015
18	Dự án Nghiên cứu bảo tồn văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ và vùng tái định cư Thủy điện Lai Châu	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2014-2015
19	Dự án dịch vụ sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách “Địa chí huyện Hoài Đức”	PGS.TS. Bùi Xuân Đỉnh	2015-2016
20	Du lịch cộng đồng hướng tới giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta	TS. Nguyễn Công Thảo	2018-2019
IV	ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ KHOA HỌC CẤP BỘ		
1	Nghề dệt của người Thái Mai Châu	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	2000-2001
2	Quan hệ dân tộc Công, Hà Nhì thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến ở Việt Nam	TS. Phạm Quang Hoan	2001-2002
3	Những vấn đề cấp bách về dân tộc ở nước ta	PGS.TS. Khổng Diễn	2001-2002
4	Những tác động của yếu tố văn hóa xã hội trong quản lý Nhà nước về môi trường	TS. Hoàng Hữu Bình	2003-2005
5	Ảnh hưởng của các yếu tố tộc người tới phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc Chăm	TS. Ngô Thị Chính	2004-2005
6	Thực trạng sử dụng đất đai ở Tây Nguyên và những kiến nghị, giải pháp	PGS.TS. Khổng Diễn	2004-2005
7	Quan hệ dân tộc ở vùng biên giới Việt - Lào	TS. Lý Hành Sơn	2005-2007
8	Sự chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành ở người Hmông	TS. Nguyễn Văn Thắng	2005-2007
9	Đổi mới chính sách phát triển nông nghiệp nương rẫy theo hướng bền vững ở vùng cao biên giới Tây Bắc	TS. Đoàn Đình Thi	2006-2007
10	Những giải pháp văn hóa xã hội nhằm hạn chế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở một số dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam	TS. Đào Huy Khuê, TS. Vũ Thị Hồng	2006-2007

11	Những vấn đề dân tộc - tôn giáo phát triển bền vững vùng Tây Bắc đến năm 2015	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2006-2008
12	Quan hệ tộc người của người Lô Lô trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung hiện nay	TS. Phạm Đăng Hiến	2007-2008
13	Một số vấn đề chính sách giáo dục ở vùng cao miền núi phía Bắc Việt Nam	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2008-2009
14	Vai trò của người Việt trong sự phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam	PGS.TS. Bùi Xuân Đính	2008-2009
15	Tác động của yếu tố truyền thống đến quản lý xã hội cơ sở vùng dân tộc miền Tây Thanh Hóa - Nghệ An	TS. Đặng Thị Hoa	2008-2009
16	Một số vấn đề cơ bản chính sách đất đai vùng dân tộc miền Tây Thanh Hóa - Nghệ An	TS. Trần Văn Hà	2008-2009
17	Một số vấn đề bức xúc của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Giáy trong quá trình phát triển kinh tế vùng biên ở Lạng Sơn và Lào Cai	TS. Đặng Thanh Phương	2008-2009
18	Phát triển bền vững về văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập vùng Đông Bắc	PGS.TS. Vương Xuân Tinh, TS. Trần Hồng Hạnh	2008-2009
19	Nghiên cứu dân tộc Hmông vùng biên giới Việt - Lào	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2008-2010
20	Một số vấn đề dân tộc dưới sự tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung (Nghiên cứu về người Hà Nhi ở một làng của tỉnh Lào Cai và một làng thuộc Châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc)	PGS.TS. Vương Xuân Tinh	2009-2010
21	Một số vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc vùng biên giới của hai nước Việt Nam - Trung Quốc (trường hợp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc và vùng Tây Bắc Việt Nam)	ThS. Trần Thị Mai Lan	2009-2010
22	Tổng quan những vấn đề cơ bản của các dân tộc ở Việt Nam	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2009-2010
23	Một số vấn đề cơ bản các dân tộc vùng Tây Bắc	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	2009-2010
24	Một số vấn đề cơ bản các dân tộc vùng Đông Bắc	PGS.TS. Bùi Xuân Đính	2009-2010

25	Một số vấn đề cơ bản các dân tộc vùng Tây Thanh Hóa và Nghệ An	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2009-2010
26	Một số vấn đề cơ bản các dân tộc vùng Tây Nguyên	TS. Nguyễn Văn Minh	2009-2010
27	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc Chăm ở Việt Nam	TS. Lý Hành Sơn	2009-2010
28	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc Khome Nam Bộ	TS. Nguyễn Văn Thắng	2009-2010
29	Một số vấn đề cơ bản về canh tác nương rẫy: Thực trạng và giải pháp	TS. Đoàn Đình Thi	2009-2010
30	Một số giải pháp cơ bản về đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số	ThS. Nguyễn Bảo Đồng	2009-2010
31	Báo cáo thường niên năm 2009 về: Quan hệ dân tộc ở vùng miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ	PGS.TS. Vương Xuân Tinh, TS. Nguyễn Văn Minh	2009
32	Báo cáo thường niên năm 2010 về: Quan hệ dân tộc ở vùng Tây Nguyên và Tây Nam Bộ	PGS.TS. Vương Xuân Tinh, TS. Nguyễn Văn Minh	2010
33	Tổng quan một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011-2020	PGS.TS. Phạm Quang Hoan	2011-2012
34	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc - tôn giáo trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam	TS. Lý Hành Sơn	2011-2012
35	Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam	PGS.TS. Bùi Xuân Đính, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	2011-2012
36	Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam	PGS.TS. Vương Xuân Tinh	2011-2012
37	Một số vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam	TS. Đặng Thị Hoa	2011-2012
38	Một số vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam	TS. Trần Văn Hà	2011-2012
39	Báo cáo thường niên về tình hình dân tộc ở nước ta năm 2011 và vấn đề ly khai tự trị của người Hmông	TS. Nguyễn Văn Minh	2011

40	Báo cáo thường niên về tình hình dân tộc ở nước ta năm 2012 và vấn đề Tin Lành ở Tây Nguyên	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh	2012
41	Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc	TS. Lý Hành Sơn, TS. Trần Thị Mai Lan	2013-2014
42	Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người tại chỗ vùng Tây Nguyên	TS. Trần Minh Hằng, TS. Nguyễn Công Thảo	2013-2014
43	Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng Nam Bộ	PGS.TS. Vương Xuân Tình, ThS. Vũ Đình Mười	2013-2014
44	Nghiên cứu xử lý và báo cáo kết quả điều tra khảo sát các biến đổi kinh tế và quan hệ gia đình từ cuộc điều tra khảo sát năm 1981 đối với 6 dân tộc thiểu số: Tày, Nùng, Mường, Thái, Chăm và Khơ-me	TS. Trần Văn Hà, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	2013-2014
45	Quan hệ tộc người với cộng đồng dân tộc - quốc gia ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế	PGS.TS. Vương Xuân Tình	2015-2016
46	Một số lý thuyết về tộc người và tiếp cận ở Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh	2015-2016
47	Một số vấn đề về đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa từ góc nhìn Dân tộc học	PGS.TS. Bùi Xuân Đính, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	2015-2016
48	Biến đổi của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (từ 2005 đến nay)	TS. Trần Thị Hồng Yến	2005-2016
49	Thay đổi sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc dưới tác động của biến đổi khí hậu	PGS.TS. Trần Hồng Hạnh	2015-2016
50	Tri thức tộc người trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và Khơ-me ở tỉnh Cà Mau	TS. Nguyễn Công Thảo	2017-2018
51	Sinh kế bền vững của người Khơ-me ở Sóc Trăng	ThS. Vũ Đình Mười	2017-2018
52	Ảnh hưởng của một số yếu tố văn hóa tới chăm sóc sức khỏe của hai tộc người Cống và Si La ở tỉnh Lai Châu	TS. Lê Minh Anh, ThS. Hoàng Thị Lê Thảo	2017-2018
53	Đặc trưng văn hóa của hai dân tộc Lô Lô và Cờ Lao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang	TS. Trần Mai Lan, ThS. Đoàn Việt	2017-2018
54	Chính sách giao đất, giao rừng cho người Thái ở vùng tái định cư thủy điện Sơn La	TS. Phạm Quang Linh	2017-2018